TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2026/HNGĐ–ST
Ngày: 17 - 3 - 2026.
V/v *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Tăng Tài Thủ**
2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Bà **Võ Kim T -** sinh năm 1966. Vắng mặt
Nơi cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

2.Bị đơn: Ông **Đặng Hữu P** – Sinh năm 1962. Vắng mặt
Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P do tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được sự đồng ý của hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1984, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cải nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 1987 đến nay. Trong thời gian ly thân cũng không có giải pháp gì để hàn gắn. Nhận thấy, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay bà T xin giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P có 01 con chung tên Đặng

Hữu Anh D, sinh ngày 21/3/1986. Hiện Đặng Hữu Anh D đã thành niên, có cuộc sống độc lập; nên không ai yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đặng Hữu P trình bày:

Ông P trình bày thống nhất với nội dung trình bày trên đây của bà T. Nay nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nên ông P đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P có 01 con chung tên Đặng Hữu Anh D, sinh ngày 21/3/1986. Hiện Đặng Hữu Anh D đã thành niên, có cuộc sống độc lập; nên không ai yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên toà, bà T và ông P có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P là tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 mặc dù có đủ kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là trường hợp hôn nhân thực tế. Do phát sinh mâu thuẫn nên bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P là tự nguyện, được sự đồng ý của hai gia đình tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987, dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016, quy định: "4. "Người đang có vợ hoặc có chồng" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là người thuộc một

trong các trường hợp sau đây: ...b) Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết". Quan hệ vợ chồng của bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P được xác lập trước ngày 03/01/1987, không có đăng ký kết hôn nhưng được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà Võ Kim T được ly hôn với ông Đặng Hữu P.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng:

Bà Võ Kim T và ông Đặng Hữu P có 01 con chung tên Đặng Hữu Anh D, sinh ngày 21/3/1986. Đặng Hữu Anh D đã thành niên, có cuộc sống độc lập nên không ai yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Kim T phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Kim T và ông Đặng Hữu P.

2. Về con chung: Ông Đặng Hữu P và bà Võ Kim T có 01 người con chung tên Đặng Hữu Anh D, sinh ngày 21/3/1986. Hiện anh Đặng Hữu Anh D đã thành niên, có cuộc sống độc lập nên không đặt vấn đề giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Kim T phải chịu án phí là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012580 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công nhận bà T đã nộp xong án phí.

5. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.